

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/DS-ST
Ngày: 29 -8-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Lê Văn Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lại - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự, quyết định hoãn phiên tòa số 146/2018/QĐST-DS ngày 31/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1953

Trú tại: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976

Trú tại: khu phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn R, sinh năm 1954

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1952

Cùng trú tại: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre,

Anh Phong có mặt, ông R, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Vào năm 1992 ông H có cho ông R vay 20 chỉ vàng 24k, thỏa thuận lãi 01 tháng 01 chỉ vàng 24k, ông H đã nhận lãi 08 chỉ vàng 24k. Vào ngày 25-9-2012 ông H và ông R có lập văn bản thỏa thuận xác nhận ông R có mượn của ông H 40 chỉ vàng 24k thì trường và thỏa thuận thời gian trả như sau: Từ ngày 25-9-2012 đến 25-01-2013 trả 10 chỉ vàng 24k, và số vàng này ông H đã khởi kiện ông R và bà T, vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện M giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 110/2013/QĐST-DS ngày 25-6-2013. Đối với số vàng còn lại là 30 chỉ vàng theo thỏa thuận trả là: Từ ngày 25-01-2013 đến ngày 25-01-2014 trả 10 chỉ còn lại 20 chỉ vàng 24k thì mỗi năm sau đó (sau ngày 25-01-2014) trả 02 chỉ vàng 24k cho đến khi trả hết số vàng nói trên.

Nay ông H yêu cầu ông R và bà T liên đới trả cho ông H 30 chỉ vàng 24k 9999 là vàng thị trường, không yêu cầu tính lãi.

**Bị đơn ông Lê Văn R vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Vào năm 1993 chồng bà là ông Lê Văn R có vay của ông Trần Văn H 20 chỉ vàng thị trường, mỗi năm chồng bà đóng lãi cho ông H 10 chỉ vàng thị trường. Trong 03 năm từ năm 1994 đến năm 1996 chồng bà đóng lãi cho ông H là 30 chỉ vàng thị trường. Năm 2013 ông H kiện chồng bà, buộc chồng bà phải trả cho ông H 10 chỉ vàng 24k và tại thi hành án huyện M đã giải quyết cho chồng bà mỗi năm trả cho ông H 1,5 chỉ vàng 24k, giữa vợ chồng bà và ông H đã đồng ý ký tên.

Nay ông H yêu cầu bà và ông R liên đới trả cho ông H 30 chỉ vàng 24k 9999, không yêu cầu tính lãi. Bà không đồng ý. Trong quyết định 110 ngày 25-6-2013 của tòa án ghi Phạm Thị T1 là không đúng nhưng bà đồng ý với quyết định vì bà là vợ của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn, chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành không đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Văn R và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn H 10 chỉ vàng 24k thị trường, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về dân sự cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và bị đơn có nơi cư trú tại huyện M, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M.

Bị đơn ông Lê Văn R và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông R, bà T là phù hợp.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn ông H yêu cầu ông R và bà T liên đới trả cho ông H 30 chỉ vàng 24k 9999 là vàng thị trường, không yêu cầu tính lãi. Thấy rằng, đại diện nguyên đơn cho rằng ông H cho ông R vay vàng vào năm 1992, bà T có lời khai cho rằng ông H cho ông R vay vàng năm 1993. Tuy nhiên, theo tài liệu trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 78/2013/TLST-DS ngày 12-4-2013 tòa án nhân dân huyện M thu thập thì ông H và ông R đều có lời khai thống nhất là vay vào năm 1992 với số vàng là 20 chỉ vàng 24k thị trường. Hai bên thỏa thuận lãi mỗi tháng 01 chỉ vàng 24k. Theo ông H thì ông R đóng cho ông được 08 chỉ vàng 24k còn ông R khai đã đóng được 30 chỉ vàng 24k. Đến ngày 25-9-2012 ông H và ông R có lập văn bản thỏa thuận xác nhận ông R có mượn của ông H 40 chỉ vàng 24k thị trường và thỏa thuận thời gian trả: Từ ngày 25-9-2012 đến 25-01-2013 trả 10 chỉ vàng 24k, và số vàng này ông H đã khởi kiện ông R và bà T. Đối với số vàng còn lại là 30 chỉ vàng theo thỏa thuận trả là: Từ ngày 25-01-2013 đến ngày 25-01-2014 trả 10 chỉ còn lại 20 chỉ vàng 24k thì mỗi năm sau đó (sau ngày 25-01-2014) trả 02 chỉ vàng 24k cho đến khi trả hết số vàng nói trên. Ngày 12-4-2013 tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý giải quyết thỏa thuận của ông H và ông R số vàng vay khi đến hạn là “từ ngày 25-9-2012 đến 25-01-2013 trả 10 chỉ vàng 24k”. Đến ngày 25-6-2013 tòa án nhân dân huyện M ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 110/2013/QĐST-DS với nội dung công nhận thỏa thuận ông R và bà T1 (T) liên đới trả 10 chỉ vàng 24k cho ông H.

Xét hợp đồng vay vàng của ông H và ông R, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 2012 ông H và ông R thỏa thuận văn bản nêu trên nhưng số vàng gốc mà ông H cho ông R vay chỉ có 20 chỉ vàng 24k. Trong khi đó thời gian này nhà nước không có qui định lãi suất cho vay vàng nên việc thỏa thuận lãi từ 20 chỉ vàng 24k vốn lên 40 chỉ vàng 24k tại biên nhận nợ ngày 25-9-2012 là không phù hợp qui định của pháp luật. Nên ông R chỉ phải trả cho ông H 20 chỉ vàng 24k đã vay. Tuy nhiên,

tại quyết định số 110/2013/QĐST-DS của tòa án nhân dân huyện M đã công nhận thỏa thuận ông R và bà T1 (T) liên đới trả 10 chỉ vàng 24k cho ông H nên ông R chỉ có nghĩa vụ trả tiếp cho ông H 10 chỉ vàng 24k chưa trả.

Đối với số vàng đã đóng lãi ông H chỉ thừa nhận ông R đóng lãi 8 chỉ vàng 24k, đối với số vàng đã đóng lãi không xem xét lại.

Ông R vay vàng mục đích để làm ăn kinh tế phục vụ gia đình nên đối với bà Phạm Thị T là vợ ông R phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông R trả cho ông H 10 chỉ vàng 24k thị trường còn thiếu là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông R, bà T liên đới trả cho ông H 10 chỉ vàng 24k thị trường là phù hợp.

Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả 30 chỉ vàng 24k nhưng chỉ được chấp nhận 10 chỉ vàng 24k nên phải chịu án phí phần không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông H là thương binh và trên 60 tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ.

Ông R, bà T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Giá vàng hiện tại ngày 29-8-2018 là 3.438.000 đồng nên số tiền án phí phải nộp là $10 \text{ chỉ} \times 3.438.000 \text{ đồng} = 34.380.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.719.000 \text{ đồng}$.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Lê Văn R và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn H 10 chỉ vàng 24k thị trường, không tính lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Văn H được miễn án phí.

Ông Lê Văn R và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ liên đới nộp 1.719.000 (một triệu bảy trăm mười chín nghìn) đồng.

Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu tòa cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Lưu (Hs, Vp)*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên